

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
NÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **368** /2013/CKNN-VP HĐQT
-----000-----

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(6 tháng đầu năm 2013)

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội

Tên Công ty: Công ty Chứng khoán Nông nghiệp – Agriseco

Địa chỉ TSC: 172 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

ĐT: 0462762666 Fax: 0462765666

Vốn điều lệ: 2.120.000.000.000 đồng

Mã chứng khoán: AGR

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự/Ghi chú
1	Ông Hà Huy Toàn	CT HĐQT	3	100%	-
2	Ông Phạm Văn Thành	UV HĐQT	3	100%	-

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự/Ghi chú
3	Ông Trương Thanh Phúc	UV HĐQT	3	100%	-
4	Ông Lê Quốc Tuấn	UV HĐQT	3	100%	-
5	Ông Lê Văn Hùng	UV HĐQT	2	66,7%	Vắng mặt do công tác tại thành phố khác. Đã thực hiện ủy quyền cho UV HĐQT khác
6	Bà Đặng Thị Thanh Hào	UV HĐQT	3	100%	-
7	Ông Nguyễn Thanh Kỳ	UV HĐQT	3	100%	-
8	Ông Võ Hồng Nam	UV HĐQT	3	100%	-
9	Ông Anthony Wong	UV HĐQT	0	0%	Vắng mặt do đang công tác tại Hồng Kông. Đã thực hiện ủy quyền cho CT HĐQT

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc: Ban Tổng giám đốc chấp hành nghiêm chỉnh và triển khai nghiêm túc các Nghị quyết và Quyết định của DHCĐ và HĐQT.
- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban Công nghệ đang thực hiện triển khai Đề án nâng cấp hệ thống công nghệ. Ngày 3/1/2013, HĐQT ban hành Quyết định số 01/2013/QĐ/HĐQT về việc thành lập Ban chiến lược và Ban chiến lược đang thực hiện xây dựng chiến lược 2013-2020. Ngoài ra, Văn phòng HĐQT thực hiện đầy đủ các công việc hỗ trợ hoạt động của HĐQT.

II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	43/NQ-HĐQT	18/01/2013	Chuyển trụ sở PGD Quang Trung và đổi tên thành PGD Nguyễn Du
2	01/2013/QĐ/CKNN	3/1/2013	Thành lập Ban xây dựng Chiến lược

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
3	02/2013/QĐ/HĐQT	18/1/2013	Chuyển trụ sở PGD Quang Trung và đổi tên thành PGD Nguyễn Du
4	44/NQ-HĐQT	24/1/2013	Thông qua một số nội dung về cổ tức, lựa chọn đơn vị kiểm toán 2012, kế hoạch kinh doanh 2013 để trình DHDCE.
5	03/2013/QĐ/HĐQT	25/2/2013	Ban hành Quy định về phân công nhiệm vụ trong HĐQT
6	04/2013/QĐ/HĐQT	25/2/2013	QĐ của CT HĐQT về phân công nhiệm vụ trong HĐQT giữa 2 kỳ họp
7	45/NQ-HĐQT	7/3/2013	Thông qua thay đổi đơn vị kiểm toán 2012
8	05/2013/QĐ/HĐQT	8/3/2013	Chấp thuận cho cán bộ đi nước ngoài
9	46/NQ-HĐQT	15/3/2013	Thông qua quỹ lương năm 2013
10	47/NQ-HĐQT	21/3/2013	Đề cử người đại diện của Agriseco tham gia ứng cử HĐQT và BKS tại doanh nghiệp khác
11	48/NQ-HĐQT	22/4/2013	Thông qua các nội dung về Kế hoạch thu lao cho HĐQT và BKS 2013, lựa chọn đơn vị kiểm toán 2013 để trình DHDCE
12	06/2013/QĐ/HĐQT	24/4/2012	Ban hành Quy định về công tác quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, miễn nhiệm, từ chức trong Công ty
13	07/2013/QĐ/HĐQT	10/5/2013	Cử đoàn công tác tại Châu Âu
14	08/2013/QĐ/HĐQT	16/5/2013	Cử cán bộ tham dự Hội nghị thường niên tại Australia
15	49/NQ-HĐQT	26/6/2013	Thông qua các nội dung về Báo cáo tài chính 2012, Phương án phân phối LN 2012, bổ nhiệm TGD để trình DHDCE, bầu Phó CT HĐQT và hạn mức phân quyết của TGD

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán: Không có

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan

1. Danh sách cổ đông nội bộ/Người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan:

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
1	Hà Huy Toàn	008C125678	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	010197590	8/12/2007	Hà Nội	Số 03 Hàng Khay, Hoàn Kiếm, HN		3.553.155	1,68%	
2	Hà Mai Hồng			100026001	20/3/2007	Quảng Ninh	Tổ 9 Khu 9, Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long	Anh	0	0,00%	
3	Hà Xuân Hối			100017694	20/8/2006	Quảng Ninh	Tổ 705 Phường Hà Khẩu, TP. Hạ Long	Anh	0	0,00%	
4	Hà Hồng Dân			013016509	26/10/2007	Hà Nội	Số 2 C25 ngách 35/2 Mai Động	Em	0	0,00%	
5	Hà Hồng Thanh			142496083	30/3/2006	Hải Dương	Số 9 ngõ 794 Lê Thanh Nghị, TP. Hải Dương	Em	0	0,00%	
6	Hà Hồng Thảo	008C115599		012627753	14/7/2003	Hà Nội	Số 4, ngách 31/2 Mai Động, Hà Nội	Em	0	0,00%	
7	Hà Thanh Hải			141450156	9/9/1986	Hải Dương	Số 2 C5, Mai Động, Hà Nội	Em	0	0,00%	
8	Đặng Thị Minh Chi			011266346	16/4/1996	Hà Nội	Số 03 Hàng Khay, Hoàn Kiếm, HN	Vợ	0	0,00%	
9	Hà Anh Thu	008C100170		012271524	13/8/1999	Hà Nội	Số 03 Hàng Khay, Hoàn Kiếm, HN	Con	0	0,00%	
10	Hà Anh Vũ			012505018	19/3/2002	Hà Nội	Số 03 Hàng Khay, Hoàn Kiếm, HN	Con	0	0,00%	

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
11	Phạm Văn Thành	008C100446	Ủy viên HĐQT	011448684	29/11/2004	Hà Nội	Số 42 Ngõ 49 Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội		150.000	0,07%	
12	Phạm Văn Trọng			010181941	17/07/1978	Hà Nội	Số 10, Ngõ Lan Bá, Lê Duẩn, HN	Bố	0	0,00%	
13	Phạm Thị Thảo			010078314	18/01/2001	Hà Nội	Số 10, Ngõ Lan Bá, Lê Duẩn, HN	Mẹ	0	0,00%	
14	Phạm Văn Hoan			2A8E655231	15/12/2008	BQP	9/9 - Ngõ 259 - Phố Vọng - HN	Anh	0	0,00%	
15	Phạm Văn Hòa			011448685	16/02/1998	Hà Nội	Số 108 - Ngõ Hoàng An A - Lê Duẩn	Anh	0	0,00%	
16	Phạm Văn Hợp			011046430	15/07/2008	Hà Nội	Số 7 - Ngõ 422 - Lê Duẩn	Anh	0	0,00%	
17	Phạm Thị Lý			011151318	22/12/2004	Hà Nội	P202 - 29A1 - Láng Hạ - HN	Chị	0	0,00%	
18	Nguyễn Hoàn Hào			011691292	23/08/2000	Hà Nội	Số 42 Ngõ 49 Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội	Vợ	0	0,00%	
19	Phạm Nguyễn Nhật Linh			Còn nhỏ			Số 42 Ngõ 49 Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội	Con	0	0,00%	NS: 2003
20	Phạm Nguyễn Quang An			Còn nhỏ			Số 42 Ngõ 49 Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội	Con	0	0,00%	NS: 2006
21	Võ Hồng Nam		Ủy viên HĐQT	011921313	22/12/2010	Hà Nội	Số 30 Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội		0	0,00%	
22	Võ Nguyễn Giáp						Số 30 Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội	Bố	0	0,00%	
23	Đặng Bích Hà			010090711	25/04/1978	Hà Nội	Số 30 Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội	Mẹ	0	0,00%	

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
24	Võ Hạnh Phúc			011029869	23/8/2005	Hà Nội	Số 30 Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội	Chị	0	0,00%	
25	Võ Hòa Bình			011753747	18/09/2007	Hà Nội	Số 30 Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội	Chị	0	0,00%	
26	Võ Điện Biên			011680818	27/09/2007	Hà Nội	Số 30 Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội	Anh	0	0,00%	
27	Mạc Thị Thúy Hương			010178273	20/11/1995	Hà Nội	Số 30 Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội	Vợ	0	0,00%	
28	Võ Hoài Nam			012332777	17/4/2000	Hà Nội	Số 30 Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội	Con	0	0,00%	
29	Võ Thành Trung			012789702	22/5/2005	Hà Nội	Số 30 Hoàng Diệu, Quận Ba Đình, Hà Nội	Con	0	0,00%	
30	Anthony Wong		Ủy viên HĐQT	K097139 (1)	18/12/1983	Hong Kong	7B 7/F Mount Sterling Mall, Mei Foo Sun Chuen, Kowloon, Hong Kong Special Administrative Region		0	0,00%	
31	Cheung Man Kee, Betty			K050270 (7)	28/12/2005	Hong Kong SAR	7B 7/F Mount Sterling Mall, Mei Foo Sun Chuen, Kowloon, Hong Kong Special Administrative Region	Vợ	0	0,00%	
32	Đặng Thị Thanh Hào		Ủy viên HĐQT	012532147	13/6/2002	Hà Nội	Số 95H/72 phố Quan Nhân, Nhân chính, Thanh Xuân, Hà Nội.		0	0,00%	
33	Đặng Đình Ngân			013104823	9/8/2008	Hà Nội	33A ngõ 110, Phố Quan Nhân, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	Bố	0	0,00%	
34	Lương Thị Nguyệt			013104822	9/8/2008	Hà Nội		Mẹ	0	0,00%	

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
35	Đặng Thị Nguyệt Hằng			050215933	24/08/2010	Sơn La	29, Tổ 4, Phường Tô Hiệu, Đường Điện Biên, TP Sơn La	Chị gái	0	0,00%	
36	Đặng Thị Hào Tâm			012742607	1/10/2007	Hà Nội	35A, Ngõ 110, Phố Quan Nhân, Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	Em gái	0	0,00%	
37	Đặng Thị Kim Cúc			012136725	23/05/1998	Hà Nội	37A, Ngách 26A, Ngõ 73, Nguyễn Trãi, Khương Trung, Thanh Xuân, HN	Em gái	0	0,00%	
38	Đặng Thị Bình An			024097443	24/03/2003	TP.HCM	D20, Thủ Đức, Garden home, QL.13, P. Hiệp Bình Phước, Thủ Đức, HCM	Em gái	0	0,00%	
39	Hoàng Quốc Thái			012532148	13/6/2002	Hà Nội	Số 95H/72 phố Quan Nhân, Nhân chính, Thanh Xuân, Hà Nội.	Chồng	0	0,00%	
40	Hoàng Thị Thu Hiền			012532149	25/01/2007	Hà Nội		Con gái	0	0,00%	
41	Hoàng Đăng Hiền Lương			012956234	3/4/2007	Hà Nội		Con gái	0	0,00%	
42	Nguyễn Thanh Kỳ		Ủy viên HĐQT	010433797	26/05/2005	Hà Nội	PA401, M3M4 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội		0	0,00%	
43	Bùi Thị Nụ			011233593	6/6/2002	Hà Nội	PA401, M3M4 Nguyễn Chí Thanh, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Vợ	0	0,00%	
44	Nguyễn Thành Nam			011388233	26/05/2005	Hà Nội		Con	0	0,00%	
45	Nguyễn Thị Hương Giang			011600460	23/07/2009	Hà Nội		Con	0	0,00%	

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
46	Lê Quốc Tuấn		Ủy viên HĐQT	012971882	27/06/2007	Hà Nội	Phòng 12A06, nhà 24 T2, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.		0	0,00%	
47	Lê Văn Giao			Không có			Duy Hải, Duy Tiên, Hà Nam Ninh	Bố	0	0,00%	
48	Đỗ Thị Chính			161033561	4/4/1979	Hà Nam Ninh	Duy Hải, Duy Tiên, Hà Nam Ninh	Mẹ	0	0,00%	
49	Vũ Thị Quỳnh Hoa			12971883	27/06/2007	Hà Nội	Phòng 12A06, nhà 24 T2, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.	Vợ	0	0,00%	
50	Lê Thị Loan			Không có			Duy Hải, Duy Tiên, Hà Nam Ninh	Chị	0	0,00%	
51	Lê Thị Phương			Không có			Duy Hải, Duy Tiên, Hà Nam Ninh	Chị	0	0,00%	
52	Lê Văn Thắng			24894820	9/1/2008	TP HCM	679-C/1/12 Nguyễn Văn Công, P3, Gò Vấp, HCM	Em trai	0	0,00%	
53	Lê Văn Sinh			380493898	28/06/2004	Cần Thơ	218/3 Trần Hưng Đạo, Ninh Kiều, Cần Thơ	Em trai	0	0,00%	
54	Lê Thị Phan						Duy Hải, Duy Tiên, Hà Nam Ninh	Em gái	0	0,00%	
55	Lê Thị Toan			168017324	12/2/1998	Hà Nam	Duy Hải, Duy Tiên, Hà Nam Ninh	Em gái	0	0,00%	
56	Lê Vũ Phương Linh			13399374	6/4/2011	Hà Nội	Phòng 12A06, nhà 24 T2, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.	Con	0	0,00%	
57	Lê Tuấn Huy			Không có				Con	0	0,00%	NS: 2006
58	Trương Thanh Phúc		Ủy viên HĐQT	013326610	10/10/2010	Hà Nội	Số 310 Nơ 18 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp – Hoàng Liệt – Hoàng Mai – Hà Nội		0	0,00%	

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
59	Trương Văn Hòa			120238862	19/11/2001	Bắc Giang	Chủ – Lục Ngạn – Bắc Giang	Bố	0	0,00%	
60	Nghiêm Minh Hòa							Mẹ	0	0,00%	
61	Trương Thanh Bình			120869199	23/4/1984	Bắc Giang	Chủ – Lục Ngạn – Bắc Giang	Anh	0	0,00%	
62	Trương Minh Hạnh			121741575	7/12/2004	Bắc Giang	Chủ – Lục Ngạn – Bắc Giang	Chị	0	0,00%	
63	Trương Nam Thọ			120801402	21/04/2006	Bắc Giang	Chủ – Lục Ngạn – Bắc Giang	Em	0	0,00%	
64	Trương Thành Long			121141317	24/04/1991	Bắc Giang	Chủ – Lục Ngạn – Bắc Giang	Em	0	0,00%	
65	Trần Thị Huyền			013326611	10/10/2010	Hà Nội	Số 310 Nơ 18 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp – Hoàng Liệt – Hoàng Mai – Hà Nội	Vợ	0	0,00%	
66	Trương Trọng Hiếu			121970799	10/11/2007	Bắc Giang		Con	0	0,00%	
67	Trương Thị Phương Thảo							Con	0	0,00%	NS: 1998
68	Lê Văn Hùng		Ủy viên HĐQT	012437869	20/07/2001	Hà Nội	Phòng 504, nhà A19, Liều Giai, Ba Đình, Hà Nội		0	0,00%	
69	Lê Văn Đối			011018057			Cầu giấy - HN	Bố	0	0,00%	
70	Nguyễn Thị Suốt			012641084			Cầu giấy - HN	Mẹ	0	0,00%	
71	Lê Thị Dung			012576071			Từ Liêm – HN	Em gái	0	0,00%	
72	Lê Mạnh Hùng			012641085			Từ Liêm – HN	Em trai	0	0,00%	

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
73	Lê Văn Hà			012247518			Cầu Giấy – HN Phòng 504, nhà A19, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	Em trai	0	0,00%	
74	Nguyễn Thị Lan Anh			012861418				Vợ	0	0,00%	
75	Lê Đức Dũng							Con	0	0,00%	NS: 1999
76	Lê Phan Hiền							Con	0	0,00%	NS: 2008
77	Nguyễn Kim Hậu	008C100066	Phó Tổng Giám đốc	011485954	4/7/2000	Hà Nội	Số 02 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, HN		760.905	0,36%	
78	Nguyễn Hiền Nhân	008C126666		010052662	8/11/2001	Hà Nội	Số 02 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, HN	Bố	0	0,00%	
79	Nguyễn Kim Hiền			011180318	12/9/1989	Hà Nội	Số 02 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, HN	Anh	0	0,00%	
80	Trần Thị Yên Định	008C100036		011912016	1/9/1995	Hà Nội	Số 02 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, HN	Vợ	0	0,00%	
81	Nguyễn Trần Hùng			Còn nhỏ			Số 02 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, HN	Con	0	0,00%	NS: 2003
82	Nguyễn Trần Thắng			Còn nhỏ			Số 02 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, HN	Con	0	0,00%	NS: 2012
83	Vũ Thị Thúy Hà	008C100444	Phó Tổng Giám đốc	011570921	11/4/2003	Hà Nội	Số nhà 7A ngõ 381/81 Nguyễn Khang, Cầu Giấy, HN		534.554	0,25%	
84	Vũ Văn Lương	0001005389		011267582	29/6/2007	Hà Nội	Số 28 ngõ Lương Sứ C, Đồng Đa, Hà Nội	Bố	0	0,00%	
85	Đinh Thị Hiền	00010012402		010236063	12/4/2006	Hà Nội	Số 28 ngõ Lương Sứ C, Đồng Đa, Hà Nội	Mẹ	0	0,00%	

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
86	Vũ Thanh Tùng			011676827	30/3/2006	Hà Nội	Số 28 ngõ Lương Sư C, Đồng Đa, Hà Nội	Em	0	0,00%	
87	Vũ Minh Tuấn	008C104796		012163904	12/4/2006	Hà Nội	Số 28 ngõ Lương Sư C, Đồng Đa, Hà Nội	Em	0	0,00%	
88	Hồ Ngọc Phan			012227672	9/5/1999	Hà Nội	Số nhà 7A ngõ 381/81 Nguyễn Khang, Cầu Giấy, HN	Chồng	0	0,00%	
89	Hồ Vũ Thiên An			Còn nhỏ			Số nhà 7A ngõ 381/81 Nguyễn Khang, Cầu Giấy, HN	Con	0	0,00%	NS: 1999
90	Hồ Vũ Phan Anh			Còn nhỏ			Số nhà 7A ngõ 381/81 Nguyễn Khang, Cầu Giấy, HN	Con	0	0,00%	NS: 2011
91	Lê Văn Minh	008C231099	Phó Tổng Giám đốc	250063834	27/08/2007	Lâm Đồng	25/6 Cửu Long – P2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh		100.200	0,05%	
92	Lê Văn Bé			250063809	26/5/1996	Lâm Đồng	Thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Bố	0	0,00%	
93	Hoàng Thị Ngọc			250063810	26/5/1996	Lâm Đồng	Thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Mẹ	0	0,00%	
94	Lê Thị Minh Trang			250071182	1/6/1996	Lâm Đồng	Thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Chị	0	0,00%	
95	Lê Văn Hùng			250189359	1/6/1996	Lâm Đồng	Thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Em	0	0,00%	
96	Lê Văn Hóa			250295933	4/4/2006	Lâm Đồng	Thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Em	0	0,00%	
97	Lê Thị Bích Ngọc			250295934	1/6/1996	Lâm Đồng	Thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Em	0	0,00%	
98	Lê Văn Trung			250353203	1/6/1996	Lâm Đồng	Thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Em	0	0,00%	

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
99	Cao Thị Thúy Hồng			250218905	4/5/2006	Lâm Đồng	25/6 Cửu Long – P2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Vợ	0	0,00%	
100	Lê Văn Duy			250782022	13/6/2006	Lâm Đồng	25/6 Cửu Long – P2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Con	0	0,00%	
101	Lê Thị Thảo Trinh			025502794	20/06/2011	TP. HCM	25/6 Cửu Long – P2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Con	0	0,00%	
102	Bùi Đức Thắng	008C102245	Phó Tổng Giám đốc	011743091	28/04/2011	Hà Nội	121B, Mai Hắc Đế, Hai Bà Trưng, HN		11	0,00%	
103	Nguyễn Thị Bài			010124959	13/8/2005	Hà Nội	Số 9 Hàng Mắm, Hoàn Kiếm, HN	Mẹ	0	0,00%	
104	Bùi Thị Phương Thảo			011871777	29/01/2002	Hà Nội	Số 9 Hàng Mắm, Hoàn Kiếm, HN	Em	0	0,00%	
105	Trần Thị Mai	008C100606		011840027	12/11/2008	Hà Nội	121B, Mai Hắc Đế, Hai Bà Trưng, HN	Vợ	0	0,00%	
106	Bùi Minh Đức			Còn nhỏ			121B, Mai Hắc Đế, Hai Bà Trưng, HN	Con	0	0,00%	NS: 1998
107	Bùi Trang Linh			Còn nhỏ			121B, Mai Hắc Đế, Hai Bà Trưng, HN	Con	0	0,00%	NS: 2003
108	Vũ Xuân Toán		Trưởng BKS	013384491	19/02/2011	Hà Nội	P.904 Nơ 5 Khu đô thị Pháp Vân – Từ Hiệp – Hoàng Liệt – Hoàng Mai – Hà Nội		3.533	0,00%	
109	Vũ Xuân Phiếu	008C125616						Bố			Đã mất nhưng có TKGD nên vẫn thống kê

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
110	Vũ Xuân Dũng			120796994	25/07/2009	Bắc Giang	Ngĩa Hồ, Lục Ngạn, Bắc Giang	Anh	0	0,00%	
111	Vũ Thị Tinh			120033357	19/03/2008	Bắc Giang	Lê Lợi, P. Hoàng Văn Thụ, Bắc Giang	Chị	0	0,00%	
112	Vũ Thị Thảo			120903933	20/9/1984	Bắc Giang	Thanh Hải, Lục Ngạn, Bắc Giang	Em	0	0,00%	
113	Vũ Thị Nguyễn			121283175	15/5/2012	Bắc Giang	Thị Trần Chủ, Lục ngạn, Bắc Giang	Em	0	0,00%	
114	Lê Thị Vân			013384490	19/02/2011	Hà Nội	P.904 Nơ 5 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp – Hoàng Liệt – Hoàng Mai – Hà Nội	Vợ	0	0,00%	
115	Vũ Xuân Tân	008C121987		013384489	19/02/2011	Hà Nội		Con	0	0,00%	
116	Vũ Lê Thu Hà			013384488	19/02/2011	Hà Nội		Con	0	0,00%	
117	Dương Sơn Tùng	008C106228	Thành viên Ban Kiểm soát	031285172	30/05/2006	Hải Phòng	Số 42A Ngõ 31 Lương Khánh Thiện, Hoàng Mai, HN		462	0,00%	
118	Dương Mạnh Huy			030480469	10/8/2005	Hải phòng	13B/28 Chu Văn An, Ngõ Quyển, Hải Phòng	Bố	0	0,00%	
119	Lại Thị Oanh			030480433	16/05/2009	Hải phòng	13B/28 Chu Văn An, Ngõ Quyển, Hải Phòng	Mẹ	0	0,00%	
120	Dương Ngọc Lâm			030979949	22/06/1993	Hải phòng	13B/28 Chu Văn An, Ngõ Quyển, Hải Phòng	Anh	0	0,00%	
121	Nguyễn Mai Lan	008C120582		012333661	24/07/2002	Hà Nội	Phòng 206 Tập thể số 7 Trung Liệt	Vợ	0	0,00%	
122	Dương Quý Đạt							Con	0	0,00%	2012

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
123	Ngô Thị Hoàng Nga	008C105343	Thành viên Ban Kiểm soát	11951245	6/6/2002	Hà Nội	Số 2 ngách 37 ngõ 64 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội		1.230	0,00%	
124	Ngô Sỹ Giai			010234033	18/06/2007	Hà Nội	TT Cục đo đạc, Lãng Thượng, HN	Bố	0	0,00%	
125	Đặng Thị Thu			010234826	21/05/1999	Hà Nội		Mẹ	0	0,00%	
126	Ngô Hoàng Thế Mỹ	008C105757		011951244	4/5/1995	Hà Nội		Em	0	0,00%	
127	Nguyễn Ngọc Dư	008C105560		151056043	23/08/2004	Thái Bình	Số 2 ngách 37 ngõ 64 Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội	Chồng	0	0,00%	
128	Nguyễn Gia Khang			Còn nhỏ				Con	0	0,00%	NS: 2004
129	Nguyễn Ngọc Táo		Thành viên Ban Kiểm soát	111908207	11/6/2011	Hà Nội	An Thương – Hoài Đức – Hà Nội		0	0,00%	
130	Nguyễn Ngọc Nghĩa							Bố	0	0,00%	
131	Nguyễn Thị Vìn							Mẹ	0	0,00%	
132	Nguyễn Thị Ngọc Lan			017202393	11/9/2010	Hà Nội	An Thương – Hoài Đức – Hà Nội.	Vợ	0	0,00%	
133	Nguyễn Thị Ngọc Phương							Con	0	0,00%	NS:1990
134	Nguyễn Ngọc Tân							Con	0	0,00%	NS:1997

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
135	Nguyễn Thị Hồng Nhung	073C006062	Thành viên Ban Kiểm soát	012045139	8/10/1997	Hà Nội	P. 702 Ngách 14 ngõ 106 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, HN		0	0,00%	
136	Nguyễn Đình An			012953547		Hà Nội	269 xóm 16 Xuân Phương, Từ Liêm, HN	Bố	0	0,00%	
137	Phạm Thị Sâm			011226079		Hà Nội	270 xóm 16 Xuân Phương, Từ Liêm, HN	Mẹ	0	0,00%	
138	Nguyễn Đức Toàn			011728329	19/04/2008	Hà Nội	271 xóm 16 Xuân Phương, Từ Liêm, HN	Em	0	0,00%	
139	Nguyễn Mạnh Thắng			012187505	11/3/2010	Hà Nội	Số 19, TT NH Cầu Giấy, ngõ 106/14 Hoàng Quốc Việt, HN	Em	0	0,00%	
140	Phí Hồng Thịnh			010290768	8/10/1997	Hà Nội	P. 702 Ngách 14 ngõ 106 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, HN	Chồng	0	0,00%	
141	Phí Hồng Sơn			Còn nhỏ			P. 702 Ngách 14 ngõ 106 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, HN	Con	0	0,00%	NS: 1997
142	Phí Hồng Hà			Còn nhỏ			P. 702 Ngách 14 ngõ 106 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, HN	Con	0	0,00%	NS: 2003
143	Mai Thị Thủy	008C100999	Kế Toán trưởng	012468203	22/08/2001	Hà Nội	Số 15, Tổ 14, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội		4.416	0,00%	
144	Đỗ Thị Thanh			012529166	6/6/2002	Hà Nội	Số nhà 15, Ngõ 116 Phố Yên Lạc, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Mẹ	0	0,00%	
145	Mai Thị Hồng Vân	008C104889		011565065	26/07/2008	Hà Nội	Số nhà 4A Tổ 56, P Hoàng Văn Thu, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	Em	0	0,00%	

TT	Tên Tổ chức/cá nhân	Số tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Ghi chú
146	Mai Hồng Hà	008C106565		040266916	22/03/1999	Lai Châu	Số nhà 4A Tổ 56, P Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Hà Nội	Em	0	0,00%	
147	Mai Thanh Hải			012529245	7/6/2002	Hà Nội	Số nhà 15, Ngõ 116 Phố Yên Lạc, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Em	0	0,00%	
148	Phan Văn Hiệp	008C100199		012468758	3/9/2001	Hà Nội	Số nhà 15, Ngõ 116 Phố Yên Lạc, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Chồng	11.000	0,01%	
149	Phan Văn Huy	008C129898		012806439	21/06/2005	Hà Nội	Số nhà 15, Ngõ 116 Phố Yên Lạc, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Con	0	0,00%	
150	Phan Hoàng Tùng			Còn nhỏ			Số nhà 15, Ngõ 116 Phố Yên Lạc, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	Con	0	0,00%	NS: 2000
151	Nguyễn Thị Thu Trang	008C100555	Người được ủy quyền CBT	111421396	13/07/2006	Hà Tây	101A TT Đại Học Thủy Lợi - Đống Đa - HN.		0	0,00%	
152	Nguyễn Duyên Thuyết	008C100458		111309850	19/04/1994	Hà Tây	Số 266 Chiến Thắng, KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	Bố	0	0,00%	
153	Nguyễn Thị Việt Nga	008C123388		B0673388	13/09/2006	Hà Nội	Số 35A - Khu A, TT Học viện Quân Y 103, Phúc La, Hà Đông, HN	Chị	0	0,00%	
154	Nguyễn Thanh Tùng	058C414117		012020028	5/2/2009	Hà Nội	101A TT Đại Học Thủy Lợi - Đống Đa - HN.	Chồng	0	0,00%	
155	Nguyễn Minh Hạnh						101A TT Đại Học Thủy Lợi - Đống Đa - HN.	Con	0	0,00%	NS:2012

2. Giao dịch cổ phiếu: căn cứ trên cơ sở (các) báo cáo của các cổ đông nội bộ và người có liên quan về việc giao dịch gửi Công ty.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Văn Minh – Phó TGD	-	200.200	0,09%	100.200	0,05%	Bán

- Các giao dịch khác: không có.

V. Các vấn đề cần lưu ý khác: không có *nguyenvu*

